



AM TƯỜNG CÔNG NGHỆ - THẤU HIỂU THÔNG TIN

Điều lệ:

CÔNG TY CP DV CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT
HPT VIETNAM CORPORATION

SỬA ĐỔI LẦN IV

TP.HCM, tháng 6/2015

Điều lệ:

CÔNG TY CP DV CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

HPT VIETNAM CORPORATION

SỬA ĐỔI LẦN IV

MỤC LỤC

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT	7
CHƯƠNG I	8
ĐIỀU KHOẢN CHUNG	8
Điều 1. Phạm vi trách nhiệm	8
Điều 2. Thành lập Công ty	8
2.1 Thành lập Công ty	8
2.2 Tên Công ty	8
2.3 Trụ sở Công ty	8
Điều 3. Tư cách pháp nhân	8
3.1 Công ty cổ phần	8
3.2 Giới hạn trách nhiệm	8
Điều 4. Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh	9
4.1 Mục tiêu hoạt động	9
4.2 Ngành, nghề kinh doanh	9
4.3 Quyền hạn của Công ty	9
Điều 5. Thời hạn hoạt động	10
Điều 6. Người đại diện theo pháp luật	11
CHƯƠNG II	12
VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ ĐÔNG - CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU	12
Điều 7. Vốn điều lệ	12
7.1 Vốn điều lệ	12
7.2 Sử dụng vốn điều lệ	12
7.3 Tăng vốn điều lệ	12
7.4 Giảm vốn điều lệ	12
Điều 8. Cổ phần	12
8.1 Các loại cổ phần	12
8.2 Quyền biểu quyết của cổ phần	13
8.3 Thanh toán mua cổ phần, trái phiếu	13
8.4 Chào bán cổ phần	13
8.5 Chuyển nhượng cổ phần	15
8.6 Chuyển giao cổ phần	15
Điều 9. Cổ phiếu	15
Điều 10. Phát hành trái phiếu	16
Điều 11. Cổ đông	16
11.1 Số lượng cổ đông	16
11.2 Quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông	16
Điều 12. Sổ đăng ký cổ đông	17
Điều 13. Các trường hợp cổ đông yêu cầu Công ty mua lại cổ phần	18

Điều 14. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty	18
Điều 15. Điều kiện thanh toán và xử lý cổ phần được mua	18
CHƯƠNG III	19
CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY	19
Điều 16. Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát của Công ty	19
Điều 17. Đại Hội đồng Cổ đông	19
17.1 Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	20
17.2 Các đại diện được ủy quyền.....	20
17.3 Thay đổi các quyền.....	21
17.5 Điều kiện tiến hành họp Đại Hội đồng Cổ đông.....	22
17.6 Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	23
17.7 Chương trình và nội dung họp Đại Hội đồng Cổ đông.....	24
17.8 Thay đổi nội dung chương trình họp Đại Hội đồng Cổ đông.....	24
17.9 Thông qua quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông.....	25
17.10 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	25
17.11 Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 18. Hội đồng Quản trị	26
18.1 Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	26
18.2 Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	28
18.3 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.....	28
18.4 Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT.....	29
18.5 Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị xin từ chức.....	29
18.6 Chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng quản trị.....	29
18.7 Các cuộc họp Hội đồng quản trị.....	30
18.8 Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	32
18.9 Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	32
Điều 19. Quản lý Công ty	32
19.1 Hệ thống quản lý.....	32
19.2 Tổng giám đốc và phó Tổng Giám đốc.....	32
19.3 Cán bộ quản lý.....	34
19.4 Kế toán trưởng.....	34
19.5 Không kiêm nhiệm.....	34
19.6 Thư ký công ty.....	34
19.7 Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	34
19.8 Trách nhiệm thiệt hại và bồi thường.....	35
Điều 20. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông thông hoặc HĐQT chấp nhận	35
20.1 Giao dịch với Bên Có Liên quan.....	35
20.2 Quyền Biểu quyết của Các Bên Có Quyền lợi Thụ hưởng.....	36
20.3 Không tuân thủ quy định.....	36
Điều 21. Ban kiểm soát	36
21.1 Thành viên ban kiểm soát.....	36
21.2 Quyền và nghĩa vụ Ban kiểm soát:.....	37
21.3 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát.....	37
21.4 Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	38
21.5 Thủ lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	38
Điều 22. Nghĩa vụ của người quản lý Công ty	38
Điều 23. Trách nhiệm Cá nhân và Trách nhiệm Thanh toán các Chi phí	38
23.1 Miễn Trách nhiệm Cá nhân.....	38

23.2	Trách nhiệm Thanh toán các Chi phí.....	39
Điều 24.	Con dấu	39
24.1	Bảo quản con dấu.....	39
24.2	Giữ con dấu	39
Điều 25.	Quy định về lưu trữ và bảo mật	39
25.1	Tiết lộ thông tin Bảo mật	39
25.2	Định nghĩa thông tin bảo mật.....	39
25.3	Chế độ lưu trữ tài liệu của Công ty.....	40
25.4	Tiết lộ thông tin với người mua tiềm năng.....	40
Điều 26.	Lao động	40
26.1	Ký hợp đồng lao động.....	41
26.2	Các vấn đề khác về lao động	41
26.3	Công đoàn	41
Điều 27.	Cung cấp thông tin về hoạt động của Công ty	41
CHƯƠNG IV.....		42
THỐNG KÊ KẾ TOÁN TÀI CHÍNH, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....		42
Điều 28.	Năm Tài chính	42
Điều 29.	Tổng kết toán	42
29.1	Hệ thống Kế toán	42
29.2	Tài khoản và Chứng từ	42
29.3	Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....	43
Điều 30.	Phân phối lợi nhuận và lập quỹ	43
Điều 31.	Trả cổ tức	43
31.1	Công bố Việc Chi trả Cổ tức.....	43
31.2	Không Tiền lãi Đối với Cổ tức Chưa Thanh toán	44
31.3	Cổ tức đã được chia nhưng Cổ đông chưa/không nhận.....	44
Điều 32.	Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức.....	44
Điều 33.	Thu hồi phần vốn góp đã hoàn trả	44
CHƯƠNG V.....		45
TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ.....		45
Điều 34.	Chia tách Công ty và hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Công ty.....	45
Điều 35.	Chấm dứt hoạt động và thanh lý	45
35.1	Chấm dứt hoạt động	45
35.2	Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông.....	45
35.3	Gia hạn hoạt động	45
35.4	Thanh lý	45
CHƯƠNG VI.....		47
ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG		47

Điều 36. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp	47
36.1 Giải quyết tranh chấp không chính thức.....	47
36.2 Các tranh chấp chưa được giải quyết	47
Điều 37. Hiệu lực của điều lệ	47
Điều 38. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	47
Điều 39. Các điều khoản khác	47
39.1 Các Điều khoản Không Hợp pháp, Không Hiệu lực hoặc Không có Khả năng Thực thi	47
39.2 Văn bản Chấp thuận của Nhà Nước	47
39.3 Bản chất Tích lũy của Các Quyền	47
Điều 40. Điều khoản cuối cùng	48
PHỤ LỤC	49
ĐỊNH NGHĨA	49

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

Căn cứ theo:

- Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014
- Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài Chính quy định về Quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng
- Luật Chứng khoán của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 70/2006/QH 11 khoá XI, kỳ họp thứ 9 từ ngày 16 tháng 5 đến 29 tháng 6 năm 2006
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 58/2012/ NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán
- Những quy định thực hiện của các văn bản pháp luật nói trên và các luật lệ và qui định hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

CHƯƠNG I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Phạm vi trách nhiệm

Mỗi cổ đông trong Công ty chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

Điều 2. Thành lập Công ty

2.1 Thành lập Công ty

- Công ty được thành lập, bản Điều lệ này thay đổi một số điều khoản so với điều lệ ban đầu khi thành lập, điều lệ này được Tất cả thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.
- Bất kỳ Cổ đông mới nào của Công ty sau này đều chịu sự ràng buộc vô điều kiện và không hủy ngang của các điều khoản trong Điều lệ này.

2.2 Tên Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

- Tên giao dịch:

- Tên viết tắt: **HPT VIETNAM CORPORATION**



- Biểu tượng (logo):

- Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam

2.3 Trụ sở Công ty

- Trụ sở Công ty đặt tại số: Tầng 9 Tòa nhà Paragon, Số 3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

- Điện thoại : 84.8.54123400

- Fax : 84.8.54108801

- E-mail : info@hpt.vn

- Website : www.hpt.vn

- Địa chỉ chi nhánh:

Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

Điều 3. Tư cách pháp nhân

3.1 Công ty cổ phần

Công ty được thành lập theo hình thức Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân độc lập và có trách nhiệm hữu hạn, tồn tại và hoạt động theo Pháp luật và theo Điều lệ này.

3.2 Giới hạn trách nhiệm

- Các chủ nợ của Công ty chỉ có quyền đòi nợ trên tài sản của Công ty và không có quyền đòi nợ đối với bất kỳ Cổ đông nào, trừ khi được quy định tại văn bản thỏa thuận được các Cổ đông ký.
- Trong trường hợp có bất kỳ Cổ đông nào không thanh toán đầy đủ cho số Cổ phần mà người này đã cam kết mua, các Cổ đông khác sẽ không phải cấp thêm vốn cho Công ty hoặc phải đại diện cho Công ty cấp thêm vốn dưới bất cứ hình thức nào.
- Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất cứ nghĩa vụ cá nhân, mất mát hoặc chi phí của bất kỳ Cổ đông nào, nếu các nghĩa vụ cá nhân, mất mát hoặc chi phí này xảy ra trước khi có sự tồn tại của Công ty.

Điều 4. Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh

4.1 Mục tiêu hoạt động

Cung cấp và phát triển các sản phẩm, dịch vụ trong các lĩnh vực Công nghệ Thông tin, điện tử viễn thông, các lĩnh vực ứng dụng công nghệ cao, tư vấn và đào tạo nguồn nhân lực... nhằm phát huy tối đa năng lực lao động và sáng tạo của con người vì mục đích tìm kiếm các giá trị cao về hiệu quả kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho các thành viên của HPT, cho các cổ đông của công ty và đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh.

4.2 Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính, chi tiết: Thi công lắp đặt và chuyển giao công nghệ hệ thống mạng máy tính. Cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet (OSP), dịch vụ lưu trữ và cung cấp thông tin

Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật, chi tiết: Dịch vụ phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ và khoa học kỹ thuật vào cuộc sống

Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất, chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản

Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận, chi tiết: Dịch vụ nghiên cứu, phân tích thị trường

Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế

Xuất bản phần mềm, chi tiết: Cung cấp các phần mềm ứng dụng. Sản xuất phần mềm. Dịch vụ phần mềm

Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính, chi tiết: Tư vấn, thiết kế hệ thống máy tính (thiết kế, tạo lập trang chủ Internet, thiết kế hệ thống máy tính tích hợp phần cứng – phần mềm với các công nghệ truyền thông). Tích hợp mạng cục bộ (LAN)

Hoạt động viễn thông khác, chi tiết: Cung cấp dịch vụ gia tăng trên mạng viễn thông: Dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ trao đổi điện tử (không kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ Internet, kinh doanh trò chơi điện tử tại trụ sở)

Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi, chi tiết: Dịch vụ sửa chữa các thiết bị máy tính, máy vi tính, thiết bị văn phòng

Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, chi tiết: Mua bán các thiết bị máy tính, máy vi tính, thiết bị văn phòng. Mua bán phần mềm máy tính, các thiết bị và linh kiện điện tử, điện thoại, thiết bị viễn thông, thiết bị điều khiển; thiết bị phục vụ thiết kế, vật tư ngành in và phụ tùng, thiết bị nghiên cứu khoa học, thí nghiệm

Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, chi tiết: Dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị văn phòng

Giáo dục khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Đào tạo và chuyển giao công nghệ. Đào tạo dạy nghề

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Cho thuê nhà, kho (trừ kinh doanh cho thuê phòng trọ). Kinh doanh nhà. Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ định giá, sản giao dịch bất động sản)

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết: Dịch vụ khai thuê hải quan. Dịch vụ môi giới vận tải

Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế, chi tiết: Dịch vụ kế toán. Dịch vụ tư vấn về thuế, tư vấn tài chính (trừ kinh doanh dịch vụ kiểm toán), tư vấn đầu tư, tư vấn về quản lý kinh doanh

Đại lý, môi giới, đấu giá, chi tiết: Đại lý mua bán và ký gửi hàng hóa

4.3 Quyền hạn của Công ty

Công ty có quyền tiến hành những hoạt động mang lại lợi ích cho Công ty hoặc cho việc kinh doanh mà Công ty được phép thực hiện theo quy định của Pháp luật, bao gồm những điều sau:

a. Tuyển dụng, trả lương, kỷ luật, thưởng và sa thải giám đốc, cán bộ quản lý và nhân viên;

- b. Thuê, chỉ định, ký kết, hoặc ủy quyền cho bất kỳ nhà phân phối, đại lý hoặc nhà thầu nào nếu thấy cần thiết cho công việc kinh doanh của mình;
- c. Tham gia ký kết và thực hiện bất kỳ các hợp đồng hoặc cam kết nào;
- d. Thuê hoặc sở hữu hợp pháp nhà cửa và quyền sử dụng đất, thiết bị, và tất cả các loại tài sản khác;
- e. Cho thuê hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thiết bị, và tất cả các loại tài sản khác khi các tài sản này không còn cần thiết cho hoạt động của Công ty;
- f. Thuê hoặc sử dụng tất cả các hình thức dịch vụ cần thiết hoặc hữu ích;
- g. Duy trì các quan hệ ngân hàng với tất cả các loại hình tổ chức tài chính ở mọi nơi, bao gồm việc vay mượn hoặc tham gia các cam kết tài chính với bất kỳ một tổ chức tài chính nào, bằng bất kỳ một loại tiền tệ gì, tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài;
- h. Vay hoặc cho vay, bảo lãnh, bồi hoàn, ủy nhiệm và thế chấp, cầm cố, tạo quyền lợi đảm bảo, hoặc tạo các biện pháp bảo đảm khác trên bất kỳ tài sản nào của mình để đảm bảo cho các khoản vay hoặc các cam kết khác có liên quan đến nghĩa vụ của mình hoặc của bên thứ ba;
- i. Tiến hành các vụ kiện hoặc bảo vệ quyền lợi của mình trong các vụ kiện;
- j. Thực hiện việc phân phối lợi nhuận và xử lý các khoản lợi nhuận hoặc thua lỗ, các tài sản và nợ và các khoản thu từ việc chuyển nhượng các tài sản mà Công ty có toàn quyền quyết định;
- k. Tái đầu tư các khoản lợi nhuận vì lợi ích hoạt động của Công ty;
- l. Mua bảo hiểm cho Công ty;
- m. Sử dụng các luật sư, kế toán viên, nhà tư vấn, đại lý, cố vấn, kiến trúc sư, kỹ sư, và nhà thầu để hỗ trợ Công ty;
- n. Tham gia vào các giao dịch và hoạt động liên quan đến quản lý ngoại hối;
- o. Tiến hành việc giải thể và thanh lý tài sản của Công ty khi chấm dứt hoặc kết thúc thời gian hoạt động của Công ty;
- p. Mua, thuê, cho thuê, bán, chuyển nhượng và/hoặc sửa chữa, trong và ngoài nước Việt Nam, bằng bất kỳ loại tiền tệ nào, tất cả các máy móc thiết bị, phần mềm, ấn bản, ấn phẩm và bất kỳ tài liệu nào khác, vật dụng hoặc các thứ khác cần thiết cho việc kinh doanh của Công ty;
- q. Đăng ký và thi hành các quyền sở hữu trí tuệ;
- r. Quảng cáo và khuyến mãi các sản phẩm của Công ty;
- s. Yêu cầu thanh toán và thanh toán hàng hóa và dịch vụ bằng đôla Mỹ, các ngoại tệ khác hoặc bằng tiền Đồng mà Hội đồng Quản trị có thể quyết định theo quy định của Pháp luật;
- t. Thay đổi phạm vi và nội dung hoạt động của Công ty vào bất kỳ thời điểm nào khi Đại Hội đồng Cổ đông thấy cần thiết, với điều kiện phải có Sự Chấp thuận của Nhà Nước nếu Pháp luật quy định;
- u. Sử dụng các phương thức cấp vốn hợp pháp để thực hiện việc kinh doanh;
- v. Thành lập Công ty liên doanh với các thực thể Việt Nam hoặc nước ngoài và đầu tư vốn vào các Công ty Việt Nam hoặc nước ngoài khác;
- w. Thực hiện hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu;
- x. Chủ động tiến hành và quản lý hoạt động kinh doanh và áp dụng bất kỳ phương thức quản lý cần thiết nào để thực hiện các hoạt động này;
- y. Từ chối và tố cáo mọi đề nghị cung cấp vốn bằng tiền mặt hoặc hiện vật của bất kỳ Người nào mà Pháp luật không cho phép; và
- z. Tiến hành tất cả các hoạt động hợp pháp khác và thực thi tất cả các thỏa thuận, văn bản và văn kiện pháp lý khác nếu xét thấy cần thiết hoặc đòi hỏi cho mục tiêu của Công ty hoặc của hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 5. Thời hạn hoạt động

Thời hạn hoạt động của công ty là 100 năm và có thể được gia hạn theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông, trừ khi được chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ này.

Điều 6. Người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Chương II

VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ ĐÔNG - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU

Điều 7. Vốn điều lệ

7.1 Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ của Công ty hiện tại là: 68.642.010.000 VNĐ (Sáu mươi tám tỷ sáu trăm bốn mươi hai triệu không trăm mười nghìn đồng).
- Số vốn này được chia thành 6.864.201 (Sáu triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm lẻ một) cổ phần.
- Các cổ phần của công ty tại ngày thông qua Điều lệ này bao gồm 6.864.201 (Sáu triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm lẻ một) cổ phần phổ thông.
- Mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 VNĐ (Mười ngàn đồng).
- Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. Việc tăng vốn điều lệ sẽ được thể hiện trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của công ty tại thời điểm tiến hành tăng vốn.

7.2 Sử dụng vốn điều lệ

Vốn Điều lệ sẽ được sử dụng vì mục đích kinh doanh của Công ty và vì các mục đích khác được phê duyệt bởi Đại Hội đồng Cổ đông, hoặc trong trường hợp thích hợp, sẽ có thể được phê chuẩn bởi Hội đồng Quản trị của Công ty theo quy định của Pháp luật và theo Điều lệ này.

7.3 Tăng vốn điều lệ

- Căn cứ theo đoạn b dưới đây, Hội đồng Quản trị có thể quyết định phát hành thêm Cổ phần, thông qua việc phát hành ra công chúng hoặc phát hành nội bộ với điều kiện là giá của mỗi Cổ phần mới này, tính gộp cả chi phí phát hành và các chi phí có liên quan khác, không được thấp hơn giá thị trường của mỗi Cổ phần ngay trước ngày bán cổ phần, ngoại trừ trường hợp Hội đồng Quản trị có thể phát hành các cổ phần đó với khoản chiết khấu tối đa là 5% nếu được Pháp luật cho phép. Những trường hợp khác sẽ xin ý kiến của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp Công ty chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán, giá thị trường của mỗi Cổ phần phải được Hội đồng Quản trị xác định một cách trung thực, sau khi đã tham khảo các ý kiến chuyên môn thích hợp.
- Trừ khi có quyết định khác bằng biểu quyết Đại Đa số chấp thuận của Đại Hội đồng Cổ đông, nếu Công ty đề nghị phát hành thêm Cổ phần hoặc các loại chứng khoán khác, hoặc trái phiếu thì Công ty sẽ gửi văn bản thông báo đến mỗi Cổ đông trong đó nêu rõ loại Cổ phần phát hành thêm, giá bán và các điều khoản chung của việc phát hành mà Công ty đề xuất thực hiện
- Việc phát hành thêm Cổ phiếu phải tuân thủ theo tất cả quy định của Pháp luật và theo quy định của Điều lệ này, bao gồm các điều kiện về giá cả, phương thức thanh toán, chuyển nhượng, nhượng lại, chuyển đổi, tước quyền hoặc những điều kiện khác.

7.4 Giảm vốn điều lệ

Vốn Điều Lệ có thể được giảm theo phương thức, số tiền và thời điểm giảm vốn thông qua biểu quyết của Đại Hội đồng Cổ đông, (bao gồm cả việc mua lại Cổ phiếu từ Cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà mỗi Cổ đông đang nắm giữ trong Công ty). Việc giảm vốn Điều lệ phải tuân theo các qui định của Pháp luật.

Điều 8. Cổ phần

8.1 Các loại cổ phần

- Hiện công ty có 6.864.201 (Sáu triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm lẻ một) cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.
- Mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 VNĐ (Mười ngàn đồng).

- c. Số cổ phần này được tự động điều chỉnh khi phát hành cổ phần mới được phép phát hành theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các qui định của pháp luật.

8.2 Quyền biểu quyết của cổ phần

Mỗi Cổ phần phổ thông cho phép Cổ đông nắm giữ có một lá phiếu biểu quyết tại các Cuộc Họp Đại Hội đồng Cổ đông.

8.3 Thanh toán mua cổ phần, trái phiếu

- a. Các Cổ phần do Công ty bán cho Cổ đông phải được thanh toán tiền đầy đủ một lần trong thời gian không quá 20 ngày kể từ ngày chốt trừ khi Pháp luật quy định khác.
- b. Bất kỳ Người nào được bán Cổ phần nhưng không thanh toán cho số Cổ phần này theo quy định của Điều lệ sẽ không trở thành Cổ đông và không được ghi nhận như là Cổ đông trong Sổ Đăng ký Cổ đông của Công ty, cũng như không được cấp Cổ phiếu.
- c. Việc thanh toán tiền mua Cổ phần có thể được thực hiện bằng tiền đồng, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng hoặc nếu được Hội đồng Quản trị phê duyệt thì có thể thực hiện bằng hiện vật.
- i. Nếu việc thanh toán mua Cổ phần được thực hiện bằng ngoại tệ thì số tiền thanh toán sẽ được chuyển đổi thành tiền Đồng Việt Nam với tỷ giá mua vào áp dụng cho ngoại tệ đó do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày thanh toán.
- ii. Nếu việc thanh toán mua Cổ phần được thực hiện bằng vàng thì số vàng này sẽ được chuyển đổi thành tiền Đồng Việt Nam với mức giá mua vào bằng tiền đồng áp dụng cho vàng có cùng chất lượng và mức giá này sẽ do một tổ chức kinh doanh vàng có uy tín công bố vào ngày thanh toán.
- iii. Nếu việc thanh toán mua Cổ phần được thực hiện bằng hiện vật tại thời điểm thành lập Công ty thì tài sản sử dụng để thanh toán phải được định giá một cách trung thực, hợp lý và có cơ sở cũng như phải được xác định với sự nhất trí của tất cả các Cổ đông Sáng lập. Nếu các Cổ đông Sáng lập không thể thống nhất về giá trị tài sản nêu trên thì các Cổ đông Sáng lập có thể chỉ định một Công ty kiểm toán có uy tín để thực hiện việc định giá.
- iv. Nếu việc thanh toán mua Cổ phần được thực hiện bằng hiện vật sau khi Hội đồng Quản trị được thành lập thì tài sản sử dụng để thanh toán sẽ được định giá bởi Hội đồng Quản trị một cách trung thực. Để thực hiện nhiệm vụ này, Hội đồng Quản trị có thể chỉ định một Công ty kiểm toán có uy tín tiến hành việc định giá tài sản.
- d. Trong trường hợp Pháp luật yêu cầu, việc thanh toán mua cổ phần có thể được chứng nhận bằng biên bản trong đó ghi rõ:
- i. Tên và địa chỉ của Cổ đông thực hiện việc thanh toán;
- ii. Tên và địa chỉ của Công ty;
- iii. Mô tả tài sản và giá trị của tài sản được dùng để thanh toán; và
- iv. Địa điểm và thời điểm giao tài sản.

Các Cổ đông sẽ thi hành tất cả các văn bản hoặc chứng thư và tiến hành các thủ tục cần thiết, bao gồm việc đăng ký, chứng nhận, công chứng để hợp thức hóa việc chuyển nhượng hợp pháp cho Công ty tất cả những tài sản được dùng để thanh toán mua Cổ phần.

- e. Ngay sau khi tài sản được góp vào Công ty để thanh toán mua Cổ phần, tài sản đó sẽ trở thành tài sản của Công ty và không có Cổ đông nào có thể đòi hỏi quyền lợi đối với tài sản này hoặc có quyền đòi, không thừa nhận hoặc tranh chấp với Công ty về quyền sở hữu của Công ty đối với tài sản này.

8.4 Chào bán cổ phần

- a. Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất. Trừ những trường hợp sau:
- i. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
- ii. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty.

- iii. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, giá chào bán cổ phần không thấp hơn giá thị trường trừ đi phần hoa hồng dành cho người môi giới và bảo lãnh. Hoa hồng được xác định bằng tỷ lệ phần trăm của giá trị cổ phần tại thời điểm chào bán. Số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
- b. Cổ phần đã được bán khi ghi đúng và đủ những thông tin theo qui định tại Điều 11 Bản Điều lệ này vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty;
- c. Sau khi thanh toán đủ cổ phần đăng ký mua, Công ty cấp cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, cổ đông phải báo ngay cho Công ty và có quyền yêu cầu Công ty cấp lại cổ phiếu và phải trả phí do Công ty quy định.

Công ty có thể bán cổ phần mà không có cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông qui định tại Điều 11 Bản điều lệ này được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông là để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong cổ phần Công ty.
- d. Công ty chào bán cổ phần, trái phiếu theo hình thức phát hành chứng khoán ra công chúng theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Việc chào bán cổ phần, trái phiếu theo hình thức khác do Công ty quyết định và được thực hiện theo thỏa thuận giữa Công ty và người mua.
- e. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
- f. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
- g. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây:

- a. Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của họ. Thông báo phải được đăng báo trong ba số liên tiếp trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày thông báo.
- b. Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại công ty; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do công ty phát hành;
- c. Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác;
- d. Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký

mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua trung tâm giao dịch chứng khoán.

8.5 Chuyển nhượng cổ phần

- a. Cổ phần có thể được chuyển nhượng cho bất kỳ Người nào theo đúng Quy định của Hội đồng Quản trị ban hành phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quy định Pháp luật có liên quan về việc chuyển nhượng Cổ phần. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.
- b. Để đăng ký việc chuyển nhượng Cổ phần trong Sổ Đăng ký Cổ đông, Cổ đông phải nộp cho Tổng Giám đốc đơn chuyển nhượng cùng với Cổ phiếu thể hiện số Cổ phần được chuyển nhượng và bất kỳ các bằng chứng nào khác của việc chuyển nhượng mà Tổng Giám đốc có thể yêu cầu một cách hợp lý. Đơn chuyển nhượng Cổ phần có thể lập theo hình thức thông thường hoặc có hình thức khác do Hội đồng Quản trị phê duyệt. Việc chuyển nhượng có thể được người chuyển nhượng và người được chuyển nhượng hoặc đại diện của họ thực hiện.
- c. Công ty phải lưu giữ tất cả các đơn chuyển nhượng có liên quan đến việc chuyển nhượng các Cổ phần đã đăng ký.
- d. Ngay sau khi nhận được đơn chuyển nhượng và Cổ phiếu có liên quan có hình thức phù hợp như quy định của Điều khoản này, Tổng Giám đốc phải ghi nhận các chi tiết liên quan đến việc chuyển nhượng vào Sổ Đăng ký Cổ đông. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc có quyền từ chối ghi nhận việc chuyển nhượng vào trong Sổ Đăng ký Cổ đông nếu như việc chuyển nhượng không được Pháp luật cho phép hoặc trái với các điều khoản của Điều lệ này. Nếu Tổng Giám đốc từ chối ghi nhận việc chuyển nhượng Cổ phần, việc từ chối này phải được thông báo cho người được chuyển nhượng Cổ phần trong thời gian hai tháng.

8.6 Chuyển giao cổ phần

- a. Trong trường hợp một Cổ đông qua đời, người thi hành di chúc hoặc người quản lý tài sản của người đã qua đời theo quy định của Pháp luật sẽ là người hoặc những người duy nhất được Công ty thừa nhận là có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phiếu, nhưng không có quy định nào trong Điều khoản này giải ước tài sản của Cổ đông đã qua đời khỏi các trách nhiệm đối với bất cứ cổ phần nào do người đó nắm giữ.
- b. Một người có các quyền thừa hưởng đối với một Cổ phần vì lý do một Cổ đông qua đời hoặc bị phá sản sẽ trở thành Cổ đông của Công ty với điều kiện người đó cung cấp được các bằng chứng đáp ứng với yêu cầu của Hội đồng Quản trị.
- c. Một người có quyền thừa hưởng đối với Cổ phần vì lý do Cổ đông nắm giữ Cổ phần này qua đời hoặc bị phá sản sẽ có mọi quyền đối với Cổ phần như thể người này là Cổ đông, ngoại trừ quyền tham dự và biểu quyết trong các Đại Hội đồng Cổ đông thì chỉ có được sau khi người này đã đăng ký thành Cổ đông.

Điều 9. Cổ phiếu

- 9.1 Sau khi Cổ đông đã được ghi tên vào trong Sổ Đăng ký Cổ đông của Công ty, Tổng Giám đốc phải phát hành, hoặc đảm bảo có một nhân viên của Công ty được ủy quyền phát hành cho Cổ đông này Cổ phiếu của các Cổ phần mà người này nắm giữ theo như quy định của Điều 9.
- 9.2 Tùy thuộc vào Điều 9.4 dưới đây, mỗi Cổ đông sẽ được nhận Cổ phiếu cho số Cổ phần mà Cổ đông này nắm giữ, mà không phải trả bất kỳ một khoản phí nào. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty thay thế nhiều Cổ phiếu đại diện cho các Cổ phần nắm giữ bằng một Cổ phiếu chung.
- 9.3 Hình thức của Cổ phiếu phát hành do Hội đồng Quản trị quyết định. Cổ phiếu phải bao gồm các thông tin dưới đây, trong phạm vi được Pháp luật quy định:
 - a. Tên và Trụ sở của Công ty;
 - b. Số và ngày cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh;

- c. Loại Cổ phần, mệnh giá Cổ phần, số lượng và tổng mệnh giá của số Cổ phần ghi trên Cổ phiếu;
- d. Tên Cổ đông;
- e. Tóm tắt thủ tục chuyển nhượng Cổ phần;
- f. Chữ ký mẫu của Người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty; và
- g. Số đăng ký tại Sở Đăng ký Cổ đông của Công ty và ngày phát hành Cổ phiếu.

9.4 Nếu Cổ phiếu bị xóa, hư hỏng, mất, tiêu hủy hoặc không còn sử dụng được nữa, Tổng Giám đốc sẽ phát hành Cổ phiếu mới theo yêu cầu của Cổ đông có liên quan. Cổ phiếu mới sẽ có hiệu lực bãi bỏ và thay thế Cổ phiếu cũ bị xóa, hư hỏng, mất, tiêu hủy hoặc không còn sử dụng được nữa, với điều kiện là Cổ đông sẽ chịu trách nhiệm chi trả tất cả các khoản tổn thất và chi phí liên quan. Cổ đông có thể được yêu cầu phải thanh toán các khoản chi phí này, như là điều kiện để phát hành Cổ phiếu mới, dù rằng các chi phí này có thể đã phát sinh thực tế hoặc chưa phát sinh.

Điều 10. Phát hành trái phiếu

10.1 Công ty có quyền phát hành trái phiếu ra công chúng hoặc bán trái phiếu trực tiếp cho các nhà đầu tư theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị, phù hợp với quy định của Pháp luật và phải thông qua Hội đồng Cổ đông. Tất cả các điều kiện và điều khoản liên quan đến việc phát hành trái phiếu phải được Hội đồng Quản trị thông qua bằng nghị quyết, ngoại trừ trường hợp Hội đồng Quản trị ủy quyền hợp pháp vấn đề trên cho Tổng Giám đốc.

10.2 Người chủ sở hữu trái phiếu không phải là Cổ đông và không có các quyền của Cổ đông. Quyền của chủ sở hữu trái phiếu đối với Công ty được quy định riêng trong các điều khoản và điều kiện của trái phiếu. Trái phiếu của công ty cổ phần có thể được mua bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác quy định tại Điều lệ công ty và phải được thanh toán đủ một lần

Điều 11. Cổ đông

11.1 Số lượng cổ đông

Công ty phải đảm bảo có số Cổ đông tối thiểu theo quy định của Pháp luật.

11.2 Quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

- a. Cổ đông có các quyền sau:
 - i. Tham gia các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền;
 - ii. Được nhận cổ tức tại thời điểm và giá trị do Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị quyết định theo quy định của Điều lệ này;
 - iii. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - iv. Khi Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại của Công ty với tỷ lệ tương ứng với số Cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán tất cả các khoản nợ cho tất cả các chủ nợ là những người được ưu tiên hơn theo Pháp luật qui định;
 - v. Tùy thuộc vào quy định tại Điều khoản 25, được xem thông tin và tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ngoại trừ các Thông tin Mật quy định trong Điều khoản 25.2 (c));
- b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:
 - vi. Đề cử các Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát theo tỷ lệ phần trăm bằng hoặc xấp xỉ bằng tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình trong tổng số cổ phần của Công ty;

- vii. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - viii. Yêu cầu triệu tập Cuộc Họp Đại Hội đồng Cổ đông Bất thường;
 - ix. Xem và nhận bản sao, trích lục danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội đồng Cổ đông.
 - x. Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.
- c. Nghĩa vụ của cổ đông:
- xi. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - xii. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
 - xiii. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
 - xiv. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - xv. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - ✓ Vi phạm pháp luật;
 - ✓ Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - ✓ Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

Điều 12. Sổ đăng ký cổ đông

- 12.1** Công ty sẽ lập và lưu giữ Sổ Đăng ký Cổ đông như là một tài liệu pháp lý về quyền sở hữu Cổ phần của mỗi Cổ đông từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ Đăng ký Cổ đông phải có các nội dung sau:
- a. Tên và Trụ sở của Công ty;
 - b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; và
 - e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần
 - f. Các chi tiết khác do Pháp luật và Hội đồng Quản trị Công ty quy định vào từng thời điểm.
- 12.2** Sổ Đăng ký Cổ đông được lưu giữ tại Văn phòng của Công ty và Tổng Giám đốc sẽ chịu trách nhiệm về việc bảo quản, cập nhật Sổ Đăng ký Cổ đông, và về tính chính xác của tất cả các thông tin ghi chép trong sổ.
- 12.3** Chậm nhất là 14 ngày sau khi nhận được thanh toán đầy đủ cho các Cổ phần do Công ty phát hành, Tổng Giám đốc sẽ ghi chép hoặc đảm bảo rằng nhân viên của Công ty sẽ ghi chép các chi tiết có liên quan đến Cổ đông vào trong Sổ Đăng ký Cổ đông.
- 12.4** Cổ đông phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị biết về bất kỳ sự thay đổi địa chỉ nào của họ. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông. Trong trường hợp Công ty không nhận được thông báo trên, tất cả các thông báo, tuyên bố hoặc mọi thông tin khác sẽ được gửi cho Cổ đông theo địa chỉ mới nhất lưu trong Sổ Đăng ký Cổ đông.

12.5 Công ty không có quyền hủy bỏ hoặc thanh lý bất kỳ một tài liệu nào trong số các hồ sơ sau trong thời hạn lưu trữ do Pháp luật quy định:

- a. Đơn chuyển nhượng cổ phần đã được đăng ký, và các chứng từ khác làm cơ sở cho việc điều chỉnh các thông tin trong Sổ Đăng ký Cổ đông;
- b. Các Cổ phiếu đã bị hủy bỏ và Công ty sẽ phải chịu trách nhiệm chứng minh tính chính xác của bất kỳ các thông tin hoặc thiếu sót nào ghi chép trong Sổ Đăng ký Cổ đông nếu Công ty không tuân thủ theo các điều khoản đã đề cập trong đoạn này.

Điều 13. Các trường hợp cổ đông yêu cầu Công ty mua lại cổ phần

13.1 Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Đại Hội đồng Cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nói tại khoản này.

13.2 Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản trên với giá thị trường hoặc giá được định theo nguyên tắc do HĐQT quy định trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 14. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định sau đây:

14.1 Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

14.2 Hội đồng Quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp qui định tại Điều 14.3 bản Điều lệ này.

14.3 Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên và trụ sở của Công ty, tổng số cổ phần, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty. Cổ đông phải gửi chào bán cổ phần của mình đến Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo.

Điều 15. Điều kiện thanh toán và xử lý cổ phần được mua

15.1 Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 13, 14 của bản Điều lệ này, nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.

15.2 Tất cả các cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 13, 14 của bản Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán trong số cổ phần được quyền chào bán.

15.3 Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10%, thì Công ty phải thông báo điều đó cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại.

15.4 Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với công ty.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY

Điều 16. Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát của Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty gồm có:

- Đại Hội đồng Cổ đông
- Hội đồng Quản trị
- Tổng Giám đốc
- Ban kiểm soát (trường hợp có trên 11 cổ đông)

Điều 17. Đại Hội đồng Cổ đông

- Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
- Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;
 - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 10.2 b của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
 - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - g. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản -c Điều 17 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản -d và -e Điều 17.
 - h. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản- g Điều 17 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.
 - i. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản -h Điều 17 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản -d Điều 17 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

- j. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

17.1 Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

- a. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - i. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
 - ii. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - iii. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - iv. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
- b. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:
 - i. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
 - ii. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - iii. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - iv. Lựa chọn công ty kiểm toán;
 - v. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành;
 - vi. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - vii. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - viii. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;
 - ix. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - x. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - xi. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - xii. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - xiii. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
 - xiv. Việc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - xv. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - xvi. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;
- c. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

17.2 Các đại diện được ủy quyền

- a. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện

theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

- b. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - i. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - ii. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
 - iii. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
- c. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
- d. Trừ trường hợp quy định tại khoản c, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - i. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - ii. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - iii. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

17.3 Thay đổi các quyền

- a. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.
- b. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.
- c. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

17.4 Thẩm quyền triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông

- a. Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên được tổ chức ít nhất mỗi năm một lần tại thời điểm và địa điểm do Hội đồng Quản trị quyết định. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cung cấp chương trình nghị sự của mỗi Cuộc họp Thường niên cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
- b. Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Bất thường sẽ được Hội đồng Quản trị triệu tập bằng thông báo theo yêu cầu của (i) Hội đồng Quản trị thông qua việc biểu quyết của đa số các Thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trong một cuộc họp hợp lệ, hoặc (ii), Ban Kiểm soát, trong trường hợp Hội đồng Quản trị bị phát hiện vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình. (iii) Cổ đông hoặc một nhóm các Cổ đông qui định tại Điều 10.2 b. Cá nhân hoặc đơn vị yêu cầu triệu

tập Cuộc Họp Đại Hội đồng Cổ đông Bất thường phải nêu trong yêu cầu của mình các vấn đề sẽ được thảo luận và các giải pháp kiến nghị lên Cuộc Họp Đại Hội đồng Cổ đông Bất thường.

- c. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- Phiếu biểu quyết;
- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

- d. Việc ngẫu nhiên không gửi được thông báo triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông đến bất kỳ người nào có quyền nhận thông báo này hoặc việc bất kỳ ai trong số những người này không nhận được thông báo sẽ không làm vô hiệu các tiến trình của Đại Hội đồng Cổ đông đó. Tuy nhiên, việc Công ty không thực hiện được việc giao thông báo triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông đến địa chỉ ghi trong Sổ Đăng ký Cổ đông không được coi là sự cố bất ngờ trong mọi trường hợp, và trong trường hợp có tranh chấp về vấn đề này, Công ty có trách nhiệm phải chứng minh là thông báo đã được gửi đi một cách đúng đắn. Ngoài ra, nếu Đại Hội đồng Cổ đông bị hoãn lại vì không đủ số đại biểu tối thiểu, ngay lập tức Công ty sẽ phải cố gắng mọi nỗ lực để xác nhận bằng fax, thư điện tử, điện thoại hoặc các phương tiện thông tin tương tự thông báo cho Cổ đông việc hoãn Đại Hội đồng Cổ đông và thời gian và địa điểm được dời lại của phiên họp.
- e. Đại Hội đồng Cổ đông lần thứ nhất phải được triệu tập chậm nhất là 01 (một) tháng sau ngày ghi trên Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh Doanh.
- f. Chủ tịch Hội đồng Quản trị, hoặc trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt, một Thành viên Hội đồng Quản trị được Hội đồng Quản trị chỉ định, sẽ chủ tọa phiên họp Đại Hội đồng Cổ đông, nhưng nếu cả Chủ tịch và Thành viên Hội đồng Quản trị được chỉ định thay thế (nếu có) đều không có mặt trong vòng 15 (mười lăm) phút sau khi Đại Hội đồng Cổ đông dự kiến bắt đầu, các thành viên khác có mặt sẽ bầu một thành viên trong số họ làm chủ tọa nếu người này muốn đảm nhận và nếu chỉ có duy nhất một Thành viên Hội đồng Quản trị có mặt, thành viên này sẽ làm chủ tọa nếu người này muốn đảm nhận. Nếu không thành viên nào trong Hội đồng Quản trị sẵn sàng làm chủ tọa, hoặc không thành viên nào trong Hội đồng Quản trị có mặt trong vòng 15 (mười lăm) phút sau khi Đại Hội đồng Cổ đông dự kiến bắt đầu, các Cổ đông hiện diện tại cuộc họp có quyền bỏ phiếu chọn một người trong số họ làm chủ tọa.
- g. Với sự chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, các Cổ đông có thể tham dự Đại Hội đồng Cổ đông bằng điện thoại với điều kiện mỗi Cổ đông này phải nghe được những Cổ đông khác có mặt tại Đại hội và các Cổ đông có mặt phải nghe rõ những gì Cổ đông này nói. Hình thức tham dự này được xem như tương đương với việc đích thân tham dự. Trong trường hợp đó, không kể đến Điều khoản 17.6 (c), việc bỏ phiếu sẽ được tiến hành theo cách thức phù hợp với phương tiện trao đổi thông tin.

17.5 Điều kiện tiến hành họp Đại Hội đồng Cổ đông

- a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- b. Nếu không đủ số đại biểu dự họp tối thiểu cần có tại Đại Hội đồng Cổ đông hiện diện trong vòng 01 (một) giờ đồng hồ sau khi phiên họp dự kiến bắt đầu, hoặc nếu trong quá trình họp Đại Hội đồng Cổ đông số đại biểu hiện diện dưới mức tối thiểu, cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông sẽ được hoãn lại.
- c. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- d. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

17.6 Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

- a. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
- b. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.
- c. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- d. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.
- e. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
- f. Chủ tọa Đại hội cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.
- g. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định, cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
- h. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

- i. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.
- j. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
 - i. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính hợp Đại hội đồng cổ đông;
 - ii. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - iii. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
- k. Trong trường hợp tại Đại hội cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - i. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
 - ii. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
- l. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội cổ đông ít nhất một lần. Đại hội cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

17.7 Chương trình và nội dung họp Đại Hội đồng Cổ đông

- a. Người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông phải chuẩn bị chương trình và nội dung họp;
- b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.2 có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội đồng Cổ đông. Kiến nghị bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 3 ngày trước ngày khai mạc Đại Hội Cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
- c. Người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Điều 17.7 b nếu có một trong các trường hợp sau đây:
 - i. kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - ii. vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền của Đại Hội đồng Cổ đông;

17.8 Thay đổi nội dung chương trình họp Đại Hội đồng Cổ đông

- a. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17.4 của Điều lệ này. Kiến nghị thay đổi hoặc thêm vào nội dung chương trình họp phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất là ba ngày trước ngày của phiên họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên của Cổ đông hoặc (các) Cổ đông kiến nghị, số lượng Cổ phần của mỗi Cổ đông này đang nắm giữ, chữ ký, và những vấn đề kiến nghị thay đổi hoặc bổ sung vào nội dung chương trình họp Đại Hội đồng Cổ đông.
- b. Người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị thay đổi hoặc bổ sung trong một trong các trường hợp sau đây:
 - i. kiến nghị được gửi đến Công ty không đúng thời hạn quy định tại Điều 17.8 a hoặc không đáp ứng đủ các thông tin quy định tại Điều 17.8 a; hoặc
 - ii. vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông; hoặc

- iii. vấn đề nêu trong kiến nghị thay đổi hoặc bổ sung nếu được xem là vấn đề chủ yếu để yêu cầu triệu tập Cuộc Họp Đại Hội đồng Cổ đông Bất thường thì kiến nghị thay đổi hoặc bổ sung này có thể bị bác bỏ căn cứ theo câu cuối cùng của Điều 17.4b.

17.9 Thông qua quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông

- a. Đại Hội đồng Cổ đông sẽ quyết định các vấn đề của hoạt động kinh doanh bằng nghị quyết. Ngoại trừ những trường hợp nêu tại Điều khoản 17.9b, một nghị quyết sẽ được thông qua nếu được trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông bỏ phiếu thuận.
- b. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội cổ đông:
 - i. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - ii. Thông qua định hướng phát triển công ty;
 - iii. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - iv. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - v. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty nếu Điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ khác;
 - vi. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - vii. Tổ chức lại, giải thể công ty.

Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:

- i. Được số cổ đông đại diện ít nhất **51%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;
- ii. Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất **65%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;
- iii. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

17.10 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

- a. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
- b. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;
- c. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;
 - ii. Mục đích lấy ý kiến;
 - iii. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- iv. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - v. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - vi. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - vii. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;
- d. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.
- Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;
- e. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - ii. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - iii. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - iv. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - v. Các quyết định đã được thông qua;
 - vi. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
- f. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;
- g. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;
- h. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- i. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định

17.11 Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty;
- b. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Điều 18. Hội đồng Quản trị

18.1 Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

- a. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
- b. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.
- c. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - i. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - ii. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - iii. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;
 - iv. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
 - v. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
 - vi. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - vii. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
 - viii. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
 - ix. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
 - x. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - xi. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
- d. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
 - i. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - ii. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - iii. Trong phạm vi quy định tại Điều 149 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thầu tóm công ty và liên doanh);
 - iv. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - v. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - vi. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách từ đầu năm, các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - vii. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - viii. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - ix. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
 - x. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - xi. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

- e. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
- f. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
- g. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
- h. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị [và số tiền thù lao cho từng thành viên] phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
- i. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- j. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

18.2 Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

- a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
- b. Thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông sáng lập đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Các cổ đông sáng lập được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các thành viên Hội đồng quản trị.
- c. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
- d. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

18.3 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Hiện không là thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên ban điều hành của bất kỳ một doanh nghiệp khác cạnh tranh với công ty
- b. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này;
- c. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty hoặc tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định tại Điều lệ công ty.

- d. Đối với công ty con là công ty mà Nhà nước sở hữu số cổ phần trên 50% vốn điều lệ thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

18.4 Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- b. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- c. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- d. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- e. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- f. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.
- g. Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
- h. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

18.5 Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị xin từ chức

- a. Thành viên đó phải gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty. Đơn từ chức phải được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Trong trường hợp này, thành viên HĐQT phải giải quyết xong tất cả các trách nhiệm công việc của mình được giao trong nhiệm kỳ và chịu mọi thiệt hại (nếu có) do mình gây ra trong thời gian đương nhiệm.
- b. Việc bổ nhiệm thành viên mới thay thế thực hiện như qui định tại Điều 18.3

18.6 Chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng quản trị

- a. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- b. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
- c. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- d. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

18.7 Các cuộc họp Hội đồng quản trị

- a. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- b. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
- c. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - i. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;
 - ii. Hai thành viên Hội đồng quản trị;
 - iii. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - iv. Đa số thành viên Ban kiểm soát.
- d. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- e. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
- f. Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
- g. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.
- h. Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.
 - i. Biểu quyết.
 - i. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
 - ii. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - iii. Khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới

chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

- j. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
- k. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.
- l. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- i. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- ii. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

- m. Nghị quyết bằng văn bản. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

- i. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;
- ii. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

- n. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

- o. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a)

phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

- p. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

18.8 Biên bản họp Hội đồng quản trị

- a. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
- i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - ii. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - iii. Thời gian, địa điểm họp;
 - iv. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - v. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - vi. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - vii. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - viii. Các quyết định đã được thông qua;
 - ix. Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp.

Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

- b. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

18.9 Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

- a. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó giám đốc hoặc Phó tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.
- b. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 19. Quản lý Công ty

19.1 Hệ thống quản lý

Công ty sẽ áp dụng hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và do Hội đồng Quản trị lãnh đạo. Công ty sẽ có 1 (một) Tổng Giám đốc, một số Phó Tổng Giám đốc, 1 (một) Kế Toán trưởng, các thành viên khác trong Ban Điều hành và một số cán bộ quản lý, tất cả đều phải có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp.

19.2 Tổng giám đốc và phó Tổng Giám đốc

- a. Tổng Giám đốc sẽ do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm và bãi nhiệm. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 4 (bốn) năm và Tổng Giám đốc có thể được tái bổ nhiệm theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Tiền lương, phúc lợi, các quyền lợi khác, cũng như các điều khoản và điều kiện tuyển dụng khác do Hội đồng Quản trị quyết định.
- b. Tổng Giám Đốc sẽ là đại diện về mặt pháp lý của Công ty đối với các vấn đề có liên quan đến hoạt động và quản lý Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc đại diện Công ty trước tòa án và các Cơ quan Nhà Nước cũng như thay mặt Công ty thực hiện các hợp đồng với bên thứ ba. Nghĩa vụ của Tổng Giám đốc bao gồm việc thực thi các nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông và các quyết định của Hội đồng Quản trị; tổ chức và điều hành các hoạt

động hàng ngày của Công ty phù hợp với các cơ cấu và thông lệ quản lý hiện đại. Tất cả các nghĩa vụ này phải được thực hiện một cách trung thực và vì lợi ích của Công ty.

- c. Phó Tổng Giám đốc sẽ báo cáo cho Tổng Giám Đốc, phối hợp và hỗ trợ Tổng Giám Đốc.
- d. Hội đồng Quản trị sẽ xác định trách nhiệm tương ứng của Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc và giao cho họ một số quyền hạn và thẩm quyền mà Hội đồng Quản trị thấy cần thiết để Tổng Giám Đốc và các Phó Tổng Giám Đốc có thể thực hiện các nghĩa vụ điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- e. Thay mặt cho Công ty, Tổng Giám đốc có các quyền và trách nhiệm thực hiện những điều sau:
 - i. tổ chức soạn thảo các kế hoạch kinh doanh và ngân sách với đầy đủ chi tiết để đệ trình lên Hội đồng Quản trị, hoặc trong trường hợp cần thiết, lên Đại Hội đồng Cổ đông;
 - ii. điều hành, quản lý và tổ chức việc thực hiện các kế hoạch kinh doanh đã được phê chuẩn và các quyết định khác của Đại Hội đồng Cổ đông hoặc của Hội đồng Quản trị, và báo cáo kết quả thực hiện lên Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị theo đúng quy định;
 - iii. giám sát các hoạt động và công việc kinh doanh của Công ty nói chung;
 - iv. đại diện cho Công ty trước Cơ quan Nhà nước và trước những Người khác về tất cả các vấn đề liên quan đến các hoạt động của Công ty trong khuôn khổ của Điều lệ này và của các nghị quyết và quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị;
 - v. ký và thực hiện tất cả các hợp đồng, thỏa thuận và các văn bản khác, trừ các văn bản phải được Hội đồng Quản trị hoặc Đại Hội đồng Cổ đông thông qua theo quy định trong Điều lệ này hoặc theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị hoặc Đại Hội đồng Cổ đông;
 - vi. ký và thực hiện các hợp đồng tuyển dụng và khen thưởng, kỷ luật, và sa thải thành viên Ban Điều hành (trừ bản thân Tổng Giám đốc), nhân viên và công nhân của Công ty và xác định các quyền và nghĩa vụ tương ứng của họ;
 - vii. quản lý việc thực thi tất cả các quy tắc và quy định về quản lý và hoạt động đã được Hội đồng Quản trị phê chuẩn;
 - viii. giám sát toàn bộ các khía cạnh của chiến lược kinh doanh, tài chính và ngoại hối, nhưng phải luôn trong giới hạn cho phép của Hội đồng Quản trị;
 - ix. thay mặt Công ty thanh toán và nhận các khoản tiền mặt, viết và nhận séc, nói chung, quản lý các tài khoản của Công ty, cũng như giải quyết tất cả các vấn đề về tài chính, thuế, và ngoại hối của Công ty trong giới hạn cho phép được xác định bởi nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị; và
 - x. thực thi các quyền và nghĩa vụ khác (A) không dành cho Đại Hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị hoặc (B) được Đại Hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị ủy thác hoặc giao cho bằng nghị quyết và nói chung thực hiện các nghĩa vụ theo sự chỉ đạo của Đại Hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị.
- f. Tổng Giám đốc có thể từ chức nhưng phải gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty. Đơn từ chức phải được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Trong trường hợp này, Tổng Giám đốc phải giải quyết xong tất cả các trách nhiệm công việc của mình được giao trong nhiệm kỳ và chịu mọi thiệt hại (nếu có) do mình gây ra trong thời gian đương nhiệm.
- g. Tổng Giám đốc có thể bị sa thải và thay thế vào bất kỳ lúc nào bởi Hội đồng Quản trị, nhưng điều này không ảnh hưởng đến yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại liên quan đến việc vi phạm bất kỳ hợp đồng nào ký kết giữa Tổng Giám đốc và Công ty.
- h. Tổng Giám đốc sẽ chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty. Tổng Giám đốc có quyền quyết định sau cùng trong việc điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty.
- i. Do tầm quan trọng của việc trao đổi thông tin chặt chẽ giữa Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty, Tổng Giám đốc sẽ tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị với vai trò quan sát viên, nhưng không được bỏ phiếu trừ khi Tổng Giám Đốc cũng đồng thời là Thành viên Hội đồng Quản trị.

- j. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc sẽ cung cấp đúng lúc và đầy đủ thông tin cho Ban Kiểm soát khi được yêu cầu theo quy định tại Điều 21.1 (b)(x).

19.3 Cán bộ quản lý

- a. Theo đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
- b. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành.

19.4 Kế toán trưởng

Dưới sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc, Kế Toán trưởng sẽ chịu trách nhiệm về quản lý tài chính của Công ty. Một trong số các nghĩa vụ của Kế Toán trưởng bao gồm việc tổ chức soạn thảo các báo cáo tài chính. Kế Toán trưởng sẽ báo cáo cho Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị, và trong trường hợp có mâu thuẫn giữa các chỉ thị của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị sẽ được áp dụng. Kế Toán trưởng sẽ cung cấp thông tin đúng lúc và đầy đủ cho Ban Kiểm soát khi được yêu cầu theo quy định tại Điều 21.1(b)(x).

19.5 Không kiêm nhiệm

Trừ trường hợp được Đại Hội đồng Cổ đông phê chuẩn và được Pháp luật cho phép, Tổng Giám đốc và các thành viên khác trong Ban Điều hành không được đồng thời giữ chức vụ Tổng giám đốc hoặc bất kỳ một vị trí quản lý khác hay nhân viên khác của bất kỳ một tổ chức kinh tế nào khác tại Việt Nam. Không một nhân viên nào của Công ty, kể cả Tổng Giám đốc và các thành viên khác trong Ban Điều hành của Công ty, được tham gia hoặc làm việc cho bất kỳ tổ chức kinh doanh nào tại Việt Nam mà Hội đồng Quản trị cho rằng có khả năng gây thiệt hại cho lợi ích của Công ty.

19.6 Thư ký công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý, Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

- a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- b. Làm biên bản các cuộc họp;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

19.7 Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

- a. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
- b. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
- c. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và gia đình của

họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

- d. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:
 - i. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc
 - ii. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
 - iii. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

19.8 Trách nhiệm thiệt hại và bồi thường

- a. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
- b. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 20. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông thông hoặc HĐQT chấp nhận

20.1 Giao dịch với Bên Có Liên quan

- a. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

- i. Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
 - ii. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;
 - iii. Doanh nghiệp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 118 của Luật Doanh nghiệp và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.
- b. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
- c. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.
- d. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

20.2 Quyền Biểu quyết của Các Bên Có Quyền lợi Thụ hưởng

Bất kỳ Người nào tham gia, hoặc có quan hệ với hoặc một cách nào đó có lợi ích thụ hưởng từ bất kỳ Người nào tham gia Giao dịch Với Bên Có Liên quan với Công ty, sẽ không có quyền biểu quyết đối với các vấn đề liên quan đến Giao dịch Với Bên Có Liên quan này tại Đại Hội đồng Cổ đông hoặc trong cuộc họp Hội đồng Quản trị.

20.3 Không tuân thủ quy định

Bất kỳ Người nào không tuân thủ các quy định của Điều 20 sẽ phải bồi thường cho Công ty về những tổn thất, trách nhiệm, nghĩa vụ, phí tổn và chi phí gây ra cho Công ty, và trong mức độ tối đa được Pháp luật cho phép, Công ty sẽ có quyền lợi đối với bất kỳ lợi ích nào mà Người đó nhận được từ Giao dịch Với Bên Có Liên quan tương ứng.

Điều 21. Ban kiểm soát

21.1 Thành viên ban kiểm soát

- a. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông của công ty làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - i. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;
 - ii. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;
 - iii. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
- b. Cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

- c. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- d. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - i. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
 - ii. Thành viên đó có thể từ chức nhưng phải gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty. Đơn từ chức phải được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Trong trường hợp này, thành viên Ban kiểm soát phải giải quyết xong tất cả các trách nhiệm công việc của mình được giao trong nhiệm kỳ và chịu mọi thiệt hại (nếu có) do mình gây ra trong thời gian đương nhiệm.
 - iii. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - iv. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - v. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

21.2 Quyền và nghĩa vụ Ban kiểm soát:

- a. Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
 - i. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
 - ii. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - iii. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
 - iv. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
 - v. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
 - vi. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
 - vii. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và
 - viii. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.
- b. Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
- c. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là [hai] người.
- d. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ được thanh toán kể cả các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

21.3 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát

- a. Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- i. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này;
 - ii. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác.
- b. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.

21.4 Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

- a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
- b. Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
- c. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của công ty làm việc.
- d. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

21.5 Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Trong trường hợp Điều lệ công ty không có quy định thì thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

- a. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hằng ngày của thành viên;
- b. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
- c. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Điều 22. Nghĩa vụ của người quản lý Công ty

Ngoài các nghĩa vụ và trách nhiệm do Pháp luật hoặc Điều lệ này quy định, mỗi Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Điều hành và thành viên Ban Kiểm soát phải:

- 22.1** Thực thi tất cả các quyền hạn và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, với sự cẩn mẫn và cẩn trọng đúng mức và vì quyền lợi tốt nhất của Công ty;
- 22.2** Không lạm dụng cương vị và quyền hạn, không sử dụng tiền bạc và tài sản của Công ty sai mục đích vì lợi ích của bản thân hoặc của người khác;
- 22.3** Nếu Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ nợ khác, họ phải:
 - a. thông báo tất cả các chủ nợ về tình hình tài chính của Công ty trong chừng mực cần thiết hoặc theo yêu cầu của Pháp luật;
 - b. không được tăng lương hoặc trả các khoản tiền thưởng nào cho các thành viên Ban Điều hành hoặc bất kỳ nhân viên nào của Công ty;
 - c. kiến nghị các biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty; và
 - d. thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và của Điều lệ này.

Điều 23. Trách nhiệm Cá nhân và Trách nhiệm Thanh toán các Chi phí

23.1 Miễn Trách nhiệm Cá nhân

Không một Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, hoặc thành viên Ban Điều hành nào phải chịu trách nhiệm cá nhân về những hành động của mình hoặc bất kỳ hành động nào được thực hiện nhân danh Công ty, vì lợi ích của công ty, phù hợp với phạm vi quyền hạn được giao theo quy định, hoặc phù hợp với phạm vi quyền hạn được ủy nhiệm cho họ theo Điều lệ này hoặc phù hợp với các quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông hoặc của Hội đồng Quản trị và được Pháp luật cho phép.

23.2 Trách nhiệm Thanh toán các Chi phí

Mỗi Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, hoặc thành viên Ban Điều hành, khi đã hành động một cách trung thực, sẽ được Công ty đền bù bằng tài sản của Công ty mọi chi phí phát sinh bởi thành viên này trong quá trình bào chữa ở các vụ kiện, dân sự hoặc hình sự, khi phán xét của tòa án trong các vụ kiện này được xem là thuận lợi cho thành viên đó, hoặc khi thành viên đó được tuyên bố trắng án, hoặc thành viên đó được tòa xóa các tội danh liên quan đến sự bất cẩn, không trả được nợ, vi phạm nghĩa vụ, hoặc vi phạm lòng tin gắn liền với hoạt động của Công ty.

Điều 24. Con dấu

24.1 Bảo quản con dấu

Con dấu sẽ được làm và bảo quản theo Pháp luật.

24.2 Giữ con dấu

Tổng Giám đốc là người duy nhất giữ con dấu và đảm bảo việc sử dụng con dấu đúng mực.

Điều 25. Quy định về lưu trữ và bảo mật

25.1 Tiết lộ thông tin Bảo mật

Nếu không được sự đồng ý trước bằng văn bản của Hội đồng Quản trị, không một ai trong số các Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Điều hành, thành viên Ban Kiểm soát, người thực hiện các công việc nêu tại Điều 18.4 (i), các Cổ đông hoặc bất kỳ Người nào khác có liên quan được phép tiết lộ các Thông tin Mật của Công ty, ngoại trừ:

- a. với các Công ty con của Công ty (nếu có); hoặc
- b. với các Cổ đông ở mức độ được phép theo Điều lệ này hoặc theo quyết định khác của Đại Hội đồng Cổ đông; hoặc
- c. với các cấp quản lý và các nhân viên của Công ty hoặc với các Kiểm toán viên của Công ty hoặc với các cố vấn chuyên môn trong phạm vi mà họ cần phải biết để thực thi các nghĩa vụ của mình một cách hợp lý và khi các nghĩa vụ này có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhưng đối với mỗi trường hợp như vậy đều phải có điều khoản yêu cầu người nhận những Thông tin Mật phải bảo mật các thông tin đó và không được tiết lộ chúng với bất kỳ Người nào khác; hoặc
- d. khi được yêu cầu phải cung cấp cho các Cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền được Pháp luật cho phép yêu cầu tiết lộ những thông tin này hoặc cung cấp thông tin theo yêu cầu của trọng tài hoặc của tòa án trong các vụ kiện, nhưng chỉ trong phạm vi được yêu cầu; hoặc
- e. những thông tin được phổ biến rộng rãi ra công chúng nhưng không do vi phạm các quy định của Điều khoản này, hoặc những thông tin thường sẽ được công chúng biết đến trong tiến trình kinh doanh, ví dụ như vì mục đích bán hàng và marketing; hoặc
- f. các thông tin được cung cấp cho cổ đông và/hoặc các thành viên Hội đồng Quản trị của bất kỳ Cổ Đông nào, cũng như các nhà tư vấn chuyên nghiệp hoặc các nhà cung cấp dịch vụ của Cổ Đông với điều kiện là những người được cung cấp thông tin phải cam kết bằng văn bản sẽ tuân thủ các nghĩa vụ được quy định tại Điều này.

25.2 Định nghĩa thông tin bảo mật

Theo mục đích của Điều khoản này, Thông tin Mật nghĩa là tất cả và bất kỳ mọi thông tin, tài liệu, giấy tờ, hồ sơ, tập tin điện tử, các hồ sơ văn bản, dữ liệu, thư điện tử, và những tài liệu khác dưới bất kỳ hình thức nào không được công bố rộng rãi ra công chúng mà Công ty, Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và/hoặc các thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Điều hành, nhân viên Công ty, các đại lý, hoặc các nhà thầu, có được, nhận được, phát triển, hoặc bằng cách nào đó, sở hữu trong tiến trình hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty, và những thông tin, giấy tờ, hồ sơ, dữ liệu và những tài liệu khác dưới bất kỳ hình thức nào nhận được từ bên thứ ba mà Công ty có nghĩa vụ bảo mật, bao gồm:

- a. Điều lệ, Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh, Sổ Đăng ký Cổ đông và Sổ Biên bản, và bất kỳ một Văn bản Chấp Thuận nào của Nhà Nước cần thiết cho hoạt động kinh doanh của Công ty, bao gồm giấy chứng nhận quyền sở hữu trí tuệ (nếu có), hoặc giấy chứng nhận đăng ký chất lượng hàng hóa (nếu có);
- b. các tài liệu và giấy tờ chứng minh quyền sở hữu các tài sản của Công ty;
- c. các bí mật thương mại hoặc thông tin mật, công nghệ, bí quyết, kỹ thuật, kiểu dáng thiết kế, phương pháp, và các thông tin khác liên quan đến các giao dịch quan trọng của Công ty cần cử theo sự xác định của Hội đồng Quản trị vào từng thời điểm;
- d. báo cáo của Ban Kiểm soát, các cơ quan thanh tra (nếu có), hoặc của các kiểm toán viên;
- e. sổ sách kế toán, các Báo cáo Tài chính Thường niên, và các tài liệu kế toán khác;
- f. thông tin về (các) Cổ đông, bất kỳ thỏa thuận nào của các Cổ đông, hoặc quan hệ sở hữu cổ phần qua lại, hoặc các bảo đảm qua lại mà (các) Cổ đông tham gia; và bất kỳ giao dịch nào giữa Công ty và các Cổ đông;
- g. thông tin về các Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Điều hành và thành viên Ban Kiểm soát bao gồm năng lực, kinh nghiệm, và mức thù lao;
- h. chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh của Công ty; và
- i. thông tin về những rủi ro đáng kể có thể được dự báo trước một cách hợp lý có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty; rủi ro lãi suất hoặc rủi ro về ngoại hối đối với các khoản nợ hoặc khoản vay của Công ty; rủi ro liên quan đến các chứng khoán dẫn xuất (derivatives) và giao dịch ngoài bảng tổng kết tài sản; và rủi ro liên quan đến các trách nhiệm về môi trường. Trong phạm vi của đoạn này, rủi ro mà Công ty không biết hoặc không thể dự báo được một cách hợp lý sẽ không được xem là những rủi ro quan trọng có thể được dự báo trước một cách hợp lý.

25.3 Chế độ lưu trữ tài liệu của Công ty

- a. Công ty phải lưu giữ các loại tài liệu sau đây:
 - i. Điều lệ công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Quy chế quản lý nội bộ công ty; Sổ đăng ký cổ đông
 - ii. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh; giấy chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm;
 - iii. Các tài liệu và giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty
 - iv. Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị; các quyết định đã được thông qua;
 - v. Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán;
 - vi. Báo cáo của Ban Kiểm soát; kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;
 - vii. Sổ kế toán chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm;
 - viii. Các tài liệu khác theo quy định của Pháp luật.
- b. Công ty phải lưu giữ các loại tài liệu trên ở trụ sở chính hoặc một nơi khác nhưng phải thông báo cho cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh biết. Thời hạn lưu trữ được thực hiện theo qui định của pháp luật.

25.4 Tiết lộ thông tin với người mua tiềm năng

Một khi Cổ phiếu chưa được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, Cổ đông nào muốn bán một số hoặc toàn bộ Cổ phần của mình sẽ được phép cung cấp Thông tin Mật cho những người mua Cổ phiếu tiềm năng, với điều kiện (i) trước hết người mua tiềm năng phải ký Thỏa Thuận Bảo Mật mang tính ràng buộc, theo đó cấm người nhận thông tin không được tiết lộ hoặc sử dụng Thông tin Bảo mật vì mục đích nào khác; (ii) Hội đồng Quản trị phải nhận được trước tiên một bản sao của Thỏa Thuận Bảo Mật này, cùng với ý kiến chính thức của Công ty về hiệu lực thực thi của Thỏa thuận; và (iii) người mua tiềm năng được phép nhận Thông tin Mật không phải là đối thủ cạnh tranh hoặc không được xem là có khả năng trở thành đối thủ cạnh tranh.

Điều 26. Lao động

26.1 Ký hợp đồng lao động

Phó Tổng Giám đốc, Kế Toán trưởng, và từng nhân viên của Công ty phải ký các hợp đồng lao động riêng biệt với Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc sẽ ký hợp đồng lao động với Hội đồng Quản trị, được đại diện bởi Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

26.2 Các vấn đề khác về lao động

Tất cả các vấn đề liên quan đến nhân viên của Công ty, kể cả các hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, thời gian làm việc và ngày nghỉ, lương, bảo hiểm xã hội, tuyển dụng, đào tạo, thanh tra lao động, giải quyết tranh chấp lao động và những vấn đề có liên quan khác sẽ do Tổng Giám đốc quyết định theo quy định của Pháp luật.

26.3 Công đoàn

Nhân viên của Công ty có quyền thành lập công đoàn và tham gia vào các tổ chức chính trị - xã hội khác theo quy định của Pháp luật. Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội được thành lập trong Công ty phải hoạt động theo đúng quy định của Pháp luật.

Điều 27. Cung cấp thông tin về hoạt động của Công ty

- 27.1** Bất kỳ thông báo nào theo quy định của Điều lệ này phải được lập thành văn bản gửi trực tiếp đến đối tượng nhận hoặc gửi bằng thư bảo đảm, hoặc bằng dịch vụ chuyển phát nhanh, hoặc bằng fax, thư điện tử (với bản gốc gửi bằng thư bảo đảm) đến địa chỉ ghi trong Sổ Đăng ký Cổ đông.
- 27.2** Bất kỳ thông báo nào sau khi chuyển đi đều được coi như có hiệu lực sau 8 (tám) ngày từ ngày đóng dấu bưu điện trong trường hợp gửi bằng thư máy bay và 2 (hai) ngày làm việc trong trường hợp gửi bằng fax, thư điện tử hoặc dịch vụ chuyển phát nhanh.
- 27.3** Trong trường hợp Cổ đông đồng sở hữu, thông báo sẽ được gửi đến Cổ đông có tên đầu tiên trong Sổ Đăng ký và thông báo cho Cổ đông này được xem như là đã thông báo đầy đủ đến tất cả các đồng Cổ đông khác.
- 27.4** Công ty sẽ thực thi những cố gắng hợp lý để đảm bảo tính chính xác của các địa chỉ ghi trong Sổ Đăng ký Cổ đông, và sẽ điều chỉnh địa chỉ của Cổ đông khi có thông báo bằng văn bản của Cổ đông này.
- 27.5** Công ty sẽ không cố tình sử dụng bất kỳ phương tiện truyền đạt thông báo nào mà thường được xem là không đáng tin cậy hoặc có thể gây ra sự chậm trễ đáng kể.

Chương IV

THỐNG KÊ KẾ TOÁN TÀI CHÍNH, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 28. Năm Tài chính

Năm tài chính cũng như niên hạn thuế của Công ty sẽ bắt đầu vào ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 29. Tổng kết toán

29.1 Hệ thống Kế toán

Sổ tài khoản kế toán sẽ được Công ty lập theo đúng quy định của Pháp luật và sẽ được lập một cách trung thực và chính xác. Nếu được Pháp luật cho phép, Công ty sẽ áp dụng Chuẩn Mục Kế Toán Quốc Tế (IAS). Trong trường hợp ngược lại, Công ty sẽ áp dụng Chuẩn mục Kế Toán Việt Nam (VAS). Tuy nhiên, đối với các báo tài chính đệ trình cho Cổ đông và Hội đồng Quản trị, dù VAS có thể không yêu cầu, Công ty sẽ phải công bố các thông tin sau:

- a. Báo cáo Tài chính tổng hợp;
- b. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- c. Các khoản công nợ ngoài bảng tổng kết tài sản và các khoản công nợ tiềm tàng; và
- d. Chi tiết các Giao dịch Với Bên Có Liên Quan.

29.2 Tài khoản và Chứng từ

- a. Công ty có thể mở bất kỳ loại tài khoản nào, là tài khoản tiền đồng Việt Nam hoặc tài khoản ngoại tệ, là tài khoản vãng lai, tài khoản kỳ hạn hoặc tài khoản khác, tại chi nhánh của một ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, hoặc tại một ngân hàng liên doanh giữa một ngân hàng nước ngoài và ngân hàng Việt Nam, hoặc tại một ngân hàng Việt Nam theo sự lựa chọn của Hội đồng Quản trị, và (với sự cho phép của Ngân hàng Nhà Nước, nếu Pháp luật yêu cầu) tại một ngân hàng nước ngoài ngoài lãnh thổ Việt Nam.
- b. Công ty lập các sổ sách và tài khoản bằng tiền Đồng Việt Nam. Các sổ sách và tài khoản có thể được chuyển đổi sang Đô-la Mỹ nếu Hội đồng Quản trị yêu cầu và được Pháp luật cho phép.
- c. Tất cả các chứng từ kế toán, hóa đơn, sổ sách và báo cáo của Công ty sẽ được lập và lưu giữ bằng tiếng Việt. Tất cả các chứng từ và báo cáo kế toán và tài chính quan trọng phải được Tổng Giám đốc và Kế Toán trưởng phê chuẩn và ký tên.
- d. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
- e. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.
- f. Vào cuối mỗi quý tài chính, Công ty phải soạn thảo báo cáo tài chính, chưa hợp nhất và hợp nhất cho quý đó bao gồm bảng cân đối kế toán, bảng báo cáo thu nhập và báo cáo lưu chuyển tiền tệ, có các chú giải, tất cả các bảng này đều được soạn thảo theo VAS hoặc trong trường hợp VAS không rõ hoặc không hoàn chỉnh, thì được soạn thảo theo IAS miễn là không mâu thuẫn với VAS (Các Báo Cáo Tài Chính Hàng Quý). Các báo cáo này phải được cung cấp cho Hội đồng Quản trị trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc mỗi quý tài chính.
- g. Nếu Hội đồng Quản trị yêu cầu, Công ty sẽ chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập có uy tín để tiến hành kiểm toán các Báo cáo Tài chính Thường niên và các báo cáo tài chính tổng

hợp hàng năm, và sau đó đệ trình báo cáo kiểm toán lên Đại Hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc sẽ đệ trình lên Đại Hội đồng Cổ đông và từng Thành viên Hội đồng Quản trị các báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán trong vòng ba tháng sau khi kết thúc năm tài chính cùng với báo cáo kiểm toán của Công ty kiểm toán. Hội đồng Quản trị sẽ lập một báo cáo trong đó nêu rõ ý kiến của các Thành viên Hội đồng Quản trị về mức độ phản ánh trung thực và hợp lý của các Báo cáo Tài chính Thường niên và báo cáo tài chính tổng hợp hàng năm về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty và về kết quả hoạt động kinh doanh của năm đó, đồng thời nêu nhận xét về tình hình và hiệu quả hoạt động của Công ty trong năm đó. Chi phí thanh toán cho Công ty Kiểm toán được chỉ định và duy trì phù hợp theo quy định của Điều khoản này sẽ do Công ty chi trả.

- h. Trong trường hợp các Công ty kiểm toán có uy tín từ chối trở thành Công ty kiểm toán cho Công ty do các báo cáo tài chính này trình bày kém, hoặc có khả năng bị đưa ra ý kiến loại trừ, Công ty sẽ phải ngay lập tức thực hiện các biện pháp cần thiết để cải thiện chất lượng của các báo cáo tài chính để Công ty kiểm toán có uy tín có thể thực hiện kiểm toán cho Công ty.
- i. Các Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền gặp Kiểm toán viên để thảo luận về các báo cáo tài chính của Công ty và các vấn đề có liên quan.
- j. Mỗi Cổ đông hoặc một nhóm các Cổ đông cùng nắm giữ hơn 10% số Cổ phần có quyền chọn thuê Công ty kiểm toán để kiểm toán các báo cáo tài chính chưa hợp nhất và/hoặc hợp nhất của Công ty vào bất kỳ thời điểm nào nếu được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị và với chi phí do Cổ đông hoặc nhóm các Cổ đông đó tự chi trả.
- k. Các Thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm Soát có quyền xem xét các tài khoản kế toán của Công ty vào bất kỳ lúc nào khi có nhu cầu, và Công ty phải hợp tác toàn diện trong quá trình xem xét này.

29.3 Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 30. Phân phối lợi nhuận và lập quỹ

Hội đồng Quản trị có thể quyết định trích từ nguồn lợi nhuận của Công ty hoặc từ nguồn khác được Pháp luật cho phép để lập quỹ dự trữ và các quỹ khác cho những mục đích mà Hội đồng Quản trị xét thấy phù hợp.

Lợi nhuận ròng hàng năm sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, Hội đồng Quản trị quyết định việc trích lập và ban hành quy chế sử dụng các loại quỹ. Dự kiến phân bổ như sau:

- Quỹ dự trữ bắt buộc: tối thiểu 5% cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ của Công ty
- Quỹ phát triển sản xuất kinh doanh: Tùy theo quyết định của Hội đồng Quản trị căn cứ vào kết quả kinh doanh và định hướng kinh doanh hàng năm
- Quỹ khen thưởng và phúc lợi: tối thiểu 10%

Nguyên tắc phân chia lợi nhuận và chịu lỗ trong kinh doanh sẽ được Công ty tính toán cho các thành viên theo tỷ lệ vốn góp.

Điều 31. Trả cổ tức

31.1 Công bố Việc Chi trả Cổ tức

- a. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:
 - Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
 - Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

- Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

- b. Căn cứ theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông về công bố mức cổ tức, Hội đồng Quản trị sẽ quyết định phương thức thanh toán cổ tức, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về việc trả cổ tức được gửi đến tất cả các cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức và phải thực hiện theo đúng theo các quy định của Pháp luật.
- c. Cổ tức có thể được thanh toán bằng tiền mặt tại Văn phòng Công ty, hoặc bằng séc, hoặc bằng chuyển khoản đến các tài khoản trong phạm vi Việt Nam theo sự chỉ dẫn của Cổ đông, hoặc bằng Cổ phần nếu được sự chấp thuận của Đại Hội đồng Cổ đông hoặc theo quy định của Pháp luật. Chi phí và các khoản phí tổn phát sinh trong việc gửi séc hoặc chuyển tiền sẽ do Cổ đông chịu và sẽ được Công ty trừ lại từ cổ tức của Cổ đông. Cổ đông chi trả cũng chịu trách nhiệm chi trả thuế đánh trên cổ tức.
- d. Đối với từng Cổ đông riêng lẻ, những bằng chứng sau đây được xem là những bằng chứng xác nhận việc hoàn tất và đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán của Công ty đối với khoản cổ tức phải trả: (i) biên nhận có chữ ký của Cổ đông, trong trường hợp cổ tức thanh toán bằng tiền mặt, hoặc (ii) thông báo chuyển tiền của ngân hàng được Công ty chỉ định chuyển tiền có ghi rõ tổ chức tài chính và số tài khoản theo sự chỉ định của Cổ đông, trong trường hợp cổ tức được thanh toán bằng hình thức chuyển tiền, hoặc (iii) những bằng chứng khác cho thấy việc chuyển séc đến địa chỉ cập nhật mới nhất của Cổ đông ghi trong Sổ đăng ký tại thời điểm thanh toán hoặc một bản sao tờ séc có chữ ký của Cổ đông, trong trường hợp cổ tức được thanh toán bằng séc, hoặc (iv) các tài liệu hoặc chứng từ khác của Công ty chứng minh việc thanh toán cổ tức bằng Cổ phần.
- e. Trong trường hợp nhiều Cổ đông đồng sở hữu một Cổ phần hoặc một số Cổ phần, những bằng chứng sau đây được xem là những bằng chứng xác nhận việc hoàn tất và đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán của Công ty đối với khoản cổ tức phải trả: (i) biên nhận có chữ ký của bất kỳ một trong số các Cổ đông này, trong trường hợp cổ tức thanh toán bằng tiền mặt, hoặc (ii) thông báo chuyển tiền của ngân hàng được Công ty chỉ định chuyển tiền có ghi rõ tổ chức tài chính và số tài khoản theo sự chỉ định của một trong các Cổ đông này, trong trường hợp cổ tức được thanh toán bằng hình thức chuyển tiền, hoặc (iii) những bằng chứng khác như việc chuyển séc đến địa chỉ cập nhật mới nhất của bất kỳ một người nào trong số đồng Cổ đông này ghi trong Sổ đăng ký tại thời điểm thanh toán hoặc một bản sao tờ séc có chữ ký của một trong số họ, trong trường hợp cổ tức được thanh toán bằng séc.
- f. Cổ tức sẽ được thanh toán cho Cổ đông bằng Đồng Việt Nam. Khi được yêu cầu và trong phạm vi được Pháp luật cho phép cũng như nếu khả thi, Công ty có thể chuyển đổi cổ tức này sang tiền đôla Mỹ hoặc các loại ngoại tệ khác trước khi thanh toán cho Cổ đông. Chi phí chuyển đổi tiền tệ do Cổ đông chịu.

31.2 Không Tiền lãi Đối với Cổ tức Chưa Thanh toán

Công ty không phải trả tiền lãi đối với các cổ tức chưa thanh toán.

31.3 Cổ tức đã được chia nhưng Cổ đông chưa/không nhận

Tất cả các cổ tức đã được chia nhưng Cổ Đông chưa nhận có thể được đầu tư hoặc sử dụng vào mục đích khác vì lợi ích của Công ty cho đến khi được Cổ Đông nhận.

Điều 32. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Việc thu hồi thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức xảy ra trong hai trường hợp:

- Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại Điều 15
- Hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 31 của Bản Điều lệ này

Tất cả Cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận; trường hợp có cổ đông không hoàn trả cho Công ty thì cổ đông đó và thành viên Hội đồng Quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về nợ của Công ty.

Điều 33. Thu hồi phần vốn góp đã hoàn trả

Trường hợp hoàn trả một phần vốn góp do giảm vốn điều lệ cho thành viên trái với qui định tại Điều 15 của Bản điều lệ thì tất cả thành viên phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận hoặc phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về khoản nợ tương ứng với phần vốn đã giảm.

Chương V

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

Điều 34. Chia tách Công ty và hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Công ty

Đại Hội đồng Cổ đông có quyền quyết định việc tổ chức lại (bao gồm hợp nhất, sáp nhập, phân tách, chia doanh nghiệp hoặc các hình thức tái cấu trúc khác theo quy định của Pháp luật) hoặc giải thể Công ty. Bất kỳ hoạt động tái cấu trúc hoặc giải thể sẽ phải được tiến hành theo cách thức do Đại Hội đồng Cổ đông quyết định phù hợp với quy định của Pháp luật.

Điều 35. Chấm dứt hoạt động và thanh lý

35.1 Chấm dứt hoạt động

- a. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - i. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - ii. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - iii. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - iv. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
- b. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

35.2 Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

- a. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
- b. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
- c. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

35.3 Gia hạn hoạt động

- a. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
- b. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

35.4 Thanh lý

- a. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm [ba] thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
- b. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
- c. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- i. Các chi phí thanh lý;
- ii. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- iii. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- iv. Các khoản vay (nếu có);
- v. Các khoản nợ khác của Công ty;
- vi. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (i) đến (v) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 36. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp

36.1 Giải quyết tranh chấp không chính thức

- a. Tranh chấp (i) giữa các Cổ đông hoặc giữa các nhóm Cổ đông, hoặc (ii) giữa (các) Cổ đông và Hội đồng Quản trị, hoặc (iii) giữa (các) Cổ đông với (các) thành viên Ban Điều hành, hoặc (iv) giữa (các) Cổ đông và Ban Kiểm soát, trước tiên sẽ được giải quyết thông qua hình thức thảo luận và thương lượng trong thời gian 30 ngày.
- b. Nếu một Tranh chấp không được giải quyết theo Điều 36.1 (a) trong thời hạn cho phép nêu trên, bất kỳ phía nào cũng có thể gửi thông báo về Tranh chấp đó ("*Thông báo Tranh chấp*") đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị yêu cầu (i) Hội đồng Quản trị giải quyết đối với các Tranh chấp nêu trong đoạn (i) và (iii) của Điều 36.1 (a), hoặc (ii) Đại Hội đồng Cổ đông giải quyết Tranh chấp nêu trong đoạn (ii) và (iv) của Điều 36.1 (a). Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải ngay lập tức triệu tập Cuộc Họp Hội đồng Quản trị, hoặc tùy tình huống, triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông theo đúng các thủ tục quy định trong Điều lệ này.

36.2 Các tranh chấp chưa được giải quyết

- a. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng [sáu] tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.
- b. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

Điều lệ này tiếp tục có hiệu lực trong quá trình giải quyết tranh chấp nhưng không được ảnh hưởng đến quá trình giải quyết tranh chấp.

Điều 37. Hiệu lực của điều lệ

Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được ĐHCĐ thông qua và thông báo cho Sở kế hoạch đầu tư về việc bổ sung thay đổi điều lệ.

Điều 38. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

- a. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
- b. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 39. Các điều khoản khác

39.1 Các Điều khoản Không Hợp pháp, Không Hiệu lực hoặc Không có Khả năng Thực thi

Nếu Cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền tuyên bố hoặc phán quyết rằng bất kỳ một hoặc nhiều điều khoản nào của Điều lệ này là bất hợp pháp, không có hiệu lực hoặc không có khả năng thực thi theo quy định của Pháp luật, thì một hoặc nhiều điều khoản đó sẽ được xem như bị loại bỏ khỏi Điều lệ trong mọi trường hợp, và các điều khoản khác của Điều lệ vẫn giữ nguyên giá trị hiệu lực.

39.2 Văn bản Chấp thuận của Nhà Nước

Bất kỳ mọi nghĩa vụ xin cấp Văn bản Chấp Thuận của Nhà Nước nào được nêu trong Điều lệ này, dù được quy định một cách rõ ràng hoặc một cách ngụ ý, đều có giá trị hiệu lực chỉ khi Văn bản Chấp Thuận của Nhà Nước này là bắt buộc theo quy định của Pháp luật.

39.3 Bản chất Tích lũy của Các Quyền

Trừ khi có quy định khác đi một cách rõ ràng, các quyền và biện pháp khắc phục trong Điều lệ này sẽ mang tính tích lũy và không loại trừ bất kỳ các quyền và biện pháp khắc phục nào do Pháp luật quy định.

Điều 40. Điều khoản cuối cùng

- 40.1** Bản điều lệ này gồm 06 Chương, 40 Điều và 01 phụ lục, được Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT dưới sự uỷ quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 nhất trí thông qua.
- 40.2** Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
- a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương
 - b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố
 - c. 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.
- 40.3** Các bản sao hoặc trích lục điều lệ này phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người được uỷ quyền, hoặc ít nhất $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị mới có giá trị.

Phụ lục

ĐỊNH NGHĨA

Luật doanh nghiệp: có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2005.

Ban Kiểm soát nghĩa là ban kiểm soát của Công ty, có quyền hạn và trách nhiệm như quy định trong Điều lệ này và hoạt động căn cứ theo Điều lệ này và theo Pháp luật;

Báo cáo Tài chính Thường niên được định nghĩa tại Điều 29.2 (d);

bằng văn bản có nghĩa là hình thức viết tay, in ấn, đánh máy, hoặc một phương thức nào khác thể hiện hoặc tạo ra chữ viết, hoặc là sự kết hợp của nhiều hình thức thể hiện chữ viết; và

Các Cổ phần có nghĩa là cổ phần phổ thông do Công ty phát hành theo quy định của Điều lệ này và Cổ phần có nghĩa là bất kỳ một trong số Các Cổ phần đó;

Các Cổ phiếu có nghĩa là chứng chỉ do Công ty phát hành theo như quy định của Điều 9 của Điều lệ này để làm bằng chứng quyền sở hữu tương ứng số lượng Cổ phần mà một Cổ đông cụ thể đang nắm giữ và Cổ phiếu có nghĩa là bất kỳ một trong số Các Cổ phiếu đó;

Cổ đông có nghĩa là cổ đông của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ được quy định trong Điều lệ này;

Cơ quan Nhà Nước có nghĩa là tất cả và bất kỳ một cơ quan nào trong số những cơ quan sau: Quốc Hội nước Việt Nam, Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội của Việt Nam, Chủ Tịch Nước, Chính phủ, Thủ Tướng, Văn phòng Chính Phủ, các Bộ, các Ủy Ban Nhân Dân hoặc bất kỳ các cơ quan, các sở trực thuộc, và bất kỳ hoặc tất cả các ủy ban, bộ trưởng, hội đồng, sở ban ngành, cơ quan hoặc viên chức khác, mà việc họ chấp thuận, phê chuẩn, đăng ký, cam kết, tham gia hoặc tư vấn là cần thiết cho Công ty đối với tất cả những vấn đề đề cập đến và dự kiến trong Điều lệ này;

Công ty nghĩa là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Điều lệ này;

Cuộc Họp Thường niên nghĩa là các cuộc họp hàng năm của Đại Hội đồng Cổ đông theo Điều 17.2 (a);

Cuộc Họp Hội đồng Quản trị nghĩa là bất kỳ cuộc họp nào của Hội đồng Quản trị;

Cuộc Họp Đại Hội đồng Cổ đông Bất thường nghĩa là cuộc họp của Đại Hội đồng Cổ đông khác ngoài Cuộc Họp Thường Niên, được triệu tập theo quy định của Điều 17.2 (b);

Cổ đông Sáng lập là Cổ đông khởi xướng việc soạn thảo Điều lệ này để thành lập Công ty, có tên, địa chỉ, và phần quyền lợi tương ứng trong Vốn Điều lệ tại điều 7.1 của Điều lệ này;

Cơ quan Cấp Giấy phép có nghĩa là Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tp. Hồ Chí Minh hoặc, tùy vào thời điểm thích hợp, là một Cơ quan Nhà Nước khác có thể có trách nhiệm và thẩm quyền cấp giấy phép và giám sát việc thành lập, gia hạn và/hoặc hoạt động của Công ty theo quy định của Pháp luật;

Đa số phiếu có nghĩa là số phiếu biểu quyết đại diện cho ít nhất 51% số Cổ phần được nắm giữ bởi Cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền của Cổ đông hiện diện tại Cuộc Họp Đại hội đồng Cổ đông;

Đại Hội đồng Cổ đông hoặc Đại Hội Đồng nghĩa là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền hạn quy định tại Điều lệ này và hoạt động căn cứ theo Điều lệ này và theo Pháp luật;

Đại Đa số phiếu có nghĩa là số phiếu biểu quyết đại diện cho ít nhất 65% số Cổ phần được nắm giữ bởi Cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền của Cổ đông hiện diện tại Cuộc Họp Đại hội đồng Cổ đông;

Điều lệ nghĩa là bản Điều lệ này của Công ty, có thể được sửa đổi hoặc bổ sung vào từng thời điểm;

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh nghĩa là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Cơ quan Nhà Nước ban hành để thành lập Công ty, và có thể được sửa đổi hoặc bổ sung trong quá trình hoạt động vào từng thời điểm;

Giao dịch Với Bên Có Liên quan có nghĩa là giao dịch, bao gồm việc mua bán hoặc thuê tài sản, cung cấp thiết bị, vật tư hoặc cung cấp các dịch vụ hoặc việc gia hạn các khoản tín dụng hoặc giấy nhận nợ khác, được thỏa thuận giữa Công ty với một trong những Người sau đây: (i) Thành viên Hội đồng Quản trị, (ii) thành viên Ban Điều hành, (iii) thành viên Ban Kiểm soát, (iv) một Cổ đông hoặc một nhóm các Cổ đông nắm giữ hơn 10% số Cổ phần của Công ty, hoặc (v) bất kỳ một Người Có Liên quan nào với những Người mô tả từ phần (i) đến (iv); và các điều khoản của giao dịch được xem là gồm có bất kỳ khoản tiền hoa hồng hoặc các khoản thanh toán tương tự hoặc các lợi ích mà bất kỳ Người nào được liệt kê trong phần (i) – (v) nói trên nhận được, bất kể từ Công ty

hoặc từ bên thứ ba, và các khoản tiền này phát sinh trực tiếp hoặc gián tiếp từ hoặc có liên quan đến bất kỳ các giao dịch nào mà Công ty tham gia.

Hội đồng Quản trị nghĩa là hội đồng quản trị của Công ty được bổ nhiệm, và có quyền hạn và trách nhiệm như quy định trong Điều lệ này;

Kiểm toán viên nghĩa là các kiểm toán mà Công ty thuê theo Điều 29.2 (f);

Người có nghĩa là bất kỳ cá nhân, công ty, liên doanh, hiệp hội, tập đoàn, tổ chức, ngân hàng, tổ chức tài chính hoặc Cơ quan Nhà Nước hoặc pháp nhân khác có năng lực pháp lý theo như quy định của Pháp luật, bao gồm bất kỳ Thành viên Hội đồng Quản trị nào, thành viên Ban Điều hành, thành viên Ban Kiểm soát, Cổ đông, hoặc bất kỳ các nhân viên nào của Công ty;

Năm có nghĩa là năm dương lịch;

Người Có Liên quan của một người là (i) vợ hoặc chồng, cha mẹ, anh chị em, con hoặc con riêng của vợ hoặc chồng; (ii) bất kỳ người nào cùng một hộ khẩu với người đó; (iii) bất kỳ pháp nhân doanh nghiệp nào mà người đó sở hữu ít nhất 10% một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, dù là sở hữu một mình hoặc đồng sở hữu với những người được liệt kê ở đoạn (i) và (ii) trên; (iv) bất kỳ pháp nhân doanh nghiệp nào do người này điều hành trực tiếp hoặc gián tiếp, dù là điều hành một mình hoặc cùng với những người được liệt kê ở đoạn (i) và (ii); (v) bất kỳ ai khác được định nghĩa là người có liên quan theo Điều 3.14 của Luật Doanh Nghiệp có thể được sửa đổi vào từng thời điểm; hoặc (vi) bất kỳ người nào do người đó chỉ định làm người đại diện, kể cả nhằm mục đích tham gia vào các giao dịch mà nếu người chỉ định tham gia thì giao dịch đó sẽ trở thành một Giao dịch Với Bên Có Liên quan;

Pháp luật nghĩa là Luật Doanh nghiệp, Nghị định 03, Nghị định 48 và tất cả các luật, nghị định, quyết định, thông tư, quy định và các văn bản có hiệu lực pháp lý khác do bất kỳ một Cơ quan Nhà Nước nào ban hành (các văn bản pháp lý này có thể sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm) và có liên quan đến Công ty;

Quyền Chọn Bán có nghĩa là một quyền mà qua đó người nắm giữ có quyền, nhưng không có nghĩa vụ, bán một số lượng Cổ phần cụ thể cho người phát hành quyền theo những điều khoản và điều kiện cụ thể;

Quyền Chọn Mua nghĩa là một quyền mà qua đó người nắm giữ có quyền, nhưng không có nghĩa vụ, mua một số lượng Cổ phần cụ thể từ người phát hành quyền theo những điều khoản và điều kiện cụ thể;

Sổ Biên bản có nghĩa là sổ lưu trữ tất cả các biên bản của các Cuộc Họp Đại Hội đồng và Cuộc Họp Hội đồng Quản trị;

Sổ Đăng ký Cổ đông có nghĩa là sổ ghi nhận quyền sở hữu cổ phần của các cổ đông do Công ty lập và lưu giữ theo quy định của Điều 11;

Sự Chấp thuận của Nhà Nước có nghĩa là mọi sự chấp thuận, giấy phép, giấy đăng ký, hoặc các văn bản phê chuẩn khác trong phạm vi quyền hạn của các Cơ quan Nhà Nước mà theo Công ty là cần thiết để tiến hành các hoạt động kinh doanh và/hoặc để thực hiện các hoạt động khác được dự kiến bởi Pháp luật hoặc bởi Điều lệ này;

Trưởng Ban Kiểm soát nghĩa là người đứng đầu của Ban Kiểm soát;

Thông tin Mật được định nghĩa như tại Điều 25.2;

Tranh chấp nghĩa là mọi vấn đề nghi ngờ, tranh chấp, mâu thuẫn, hoặc yêu sách phát sinh do, hoặc liên quan đến Điều lệ này hoặc việc vi phạm, chấm dứt hoặc hiệu lực của Điều lệ này;

Thành viên Ban Điều hành có nghĩa là Tổng Giám đốc, (các) Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng, các Trưởng bộ phận và các vị trí quản lý khác mà Hội đồng Quản trị xác định là những vị trí quản lý trong Công ty;

Tháng nghĩa là tháng theo dương lịch;

Tổng Tài sản có nghĩa là tổng tài sản của Công ty ghi trong sổ sách kế toán của Công ty vào từng thời điểm;

Văn phòng có nghĩa là trụ sở văn phòng đã được đăng ký của Công ty, trụ sở này có thể được thay đổi vào từng thời điểm theo quy định của Pháp luật và theo Điều lệ này;

Việt Nam có nghĩa là Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Vốn Điều lệ nghĩa là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 7 của Điều lệ này;

VND hoặc Đồng có nghĩa là đồng tiền hợp pháp của Việt Nam./

knowing IT 

hpt
knowing IT

CÔNG TY CP DV CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT
HPT VIETNAM CORPORATION

Tầng 9 tòa nhà Sài Gòn Paragon, số 3 Nguyễn Lương Bằng, Quận 7, TP. HCM

Tel: +(84 8) 54 123 400 • **Fax:** +(84 8) 54 108 801

Website: www.hpt.vn 